

KNOWLEDGE AND PRACTICE ON ENVIRONMENTAL SANITATION OF HEALTH STAFFS AT THE NATIONAL EYES HOSPITAL, IN 2021

Tran Thi Ly^{1,*}, Le Van Nhan², Tran Quoc Thang³, Nguyen Thanh Ha⁴, Dao Van Dung^{3,5}

¹National Lung Hospital - 463 Hoang Hoa Tham, Vinh Phu, Ba Dinh, Hanoi, Vietnam

²Van Hien University - 665-667-669 Dien Bien Phu, 1 ward, 3 district, Ho Chi Minh city, Vietnam

³Institute of Community Health - 24 Lieu Giai, Ba Dinh, Hanoi, Vietnam

⁴National Eyes Hospital - 85 Ba Trieu, Bui Thi Xuan, Hai Ba Trung, Hanoi, Vietnam

⁵Thanglong University - Nghiem Xuan Yem, Dai Kim, Hoang Mai, Hanoi, Vietnam

Received 26/12/2022

Revised 31/01/2023; Accepted 01/03/2023

ABSTRACT

Background: The environment of hospital can be one of the sources of hospital infections. Good environmental hygiene practices in hospitals help ensure the safety of patients and medical staff in medical examination and treatment activities.

Objectives: Describe the knowledge and practice of environmental sanitation of medical staff at the National Eye Hospital and analyze some related factors.

Methods: Cross-sectional survey, quantitative research.

Results: This study collected information from 323 health workers (NVYT), National Eye Hospital through questionnaires and observation using checklists. The research results show that the knowledge and practice of environmental sanitation in the control of hospital-acquired infections of health workers is quite good.

Conclusion: The rate of health workers with knowledge of environmental sanitation reached 70,6%. The rate of health workers with practices of environmental sanitation reached over 75%. There are 4 factors related to knowledge including: age, working position, working time and professional qualifications. Three factors related to practices including: Gender, working position and time of training on infection control ($p < 0.05$).

Key words: Environmental sanitation, related factors, health workers.

*Corresponding author

Email address: ly13021984@gmail.com

Phone number: (+84) 947 793 568

<https://doi.org/10.52163/yhc.v64i2.627>



THỰC TRẠNG KIẾN THỨC VÀ THỰC HÀNH VỆ SINH MÔI TRƯỜNG CỦA NHÂN VIÊN Y TẾ BỆNH VIỆN MẮT TRUNG ƯƠNG, NĂM 2021

Trần Thị Lý^{1,*}, Lê Văn Nhân², Trần Quốc Thắng³, Nguyễn Thanh Hà⁴, Đào Văn Dũng^{3,5}

¹Bệnh viện Phổi Trung ương - 463 Hoàng Hoa Thám, Vĩnh Phú, Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam

²Đại học Văn Hiến - 665-667-669 Đ. Điện Biên Phủ, phường 1, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

³Viện Sức khỏe Cộng đồng - 24 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam

⁴Bệnh viện Mắt Trung ương - 85 P. Bà Triệu, Bùi Thị Xuân, Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam

⁵Trường đại học Thăng Long - Nghiêm Xuân Yêm, Đại Kim, Hoàng Mai, Hà Nội, Việt Nam

Ngày nhận bài: 26 tháng 12 năm 2022

Chỉnh sửa ngày: 31 tháng 01 năm 2023; Ngày duyệt đăng: 01 tháng 03 năm 2023

TÓM TẮT

Đặt vấn đề: Môi trường bệnh viện có thể là một trong những nguồn gây nhiễm khuẩn bệnh viện. Thực hành tốt vệ sinh môi trường trong bệnh viện giúp đảm bảo an toàn người bệnh và nhân viên y tế trong hoạt động khám, chữa bệnh.

Mục tiêu: Mô tả kiến thức, thực hành vệ sinh môi trường của nhân viên y tế (NVYT) Bệnh viện Mắt Trung ương và phân tích một số yếu tố liên quan.

Phương pháp: Điều tra cắt ngang, nghiên cứu định lượng.

Kết quả: Nghiên cứu thu thập thông tin từ 323 nhân viên y tế (NVYT), Bệnh viện Mắt Trung ương thông qua phát vấn bằng phiếu và quan sát có sử dụng bảng kiểm. Kết quả nghiên cứu cho thấy kiến thức và thực hành vệ sinh môi trường trong kiểm soát nhiễm khuẩn của NVYT khá tốt.

Kết luận: Tỷ lệ NVYT có kiến thức về đạt về vệ sinh môi trường 70,6%. Tỷ lệ NVYT thực hành vệ sinh môi trường đạt trên 75%. Có 4 yếu tố liên quan đến kiến thức gồm: tuổi, vị trí công tác, thời gian công tác và trình độ chuyên môn. 3 yếu tố liên quan đến thực hành gồm: Giới tính, vị trí công tác và thời điểm tập huấn về kiểm soát nhiễm khuẩn ($p < 0,05$).

Từ khóa: Vệ sinh môi trường, yếu tố liên quan, nhân viên y tế.

*Tác giả liên hệ

Email: ly13021984@gmail.com

Điện thoại: (+84) 947 793 568

<https://doi.org/10.52163/yhc.v64i2.627>

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Nhiễm khuẩn bệnh viện (NKBV) xảy ra ở hệ thống y tế khắp nơi trên thế giới, tác động nghiêm trọng và trở thành gánh nặng cho người bệnh, thách thức cho các cơ sở khám chữa bệnh trên toàn cầu, đặc biệt ở các nước chậm và đang phát triển do làm tăng tỷ lệ mắc bệnh, tỷ lệ tử vong, kéo dài thời gian nằm viện, tăng sử dụng kháng sinh, tăng đề kháng kháng sinh của vi khuẩn và tăng chi phí điều trị. Nghiên cứu điều tra cắt ngang NKBV tại 55 cơ sở y tế của 14 nước trên thế giới đại diện cho các khu vực công bố tỉ lệ NKBV là 8,7% và ước tính ở bất cứ thời điểm nào cũng có hơn 1,4 triệu người bệnh trên thế giới mắc NKBV. Thống kê cho thấy tỉ lệ NKBV vào khoảng 5-10% ở các nước đã phát triển và lên đến 15-20% ở các nước đang phát triển [1].

Bệnh viện là nơi diễn ra mọi hoạt động khám chữa bệnh, đồng cũng là nơi NB và người nhà NB phải sinh hoạt trong thời gian điều trị. Tại bệnh viện có rất nhiều các loại vi khuẩn, vi rút nguy hiểm, tiềm ẩn nhiều nguy cơ gây bệnh cho NB và NVYT. Do vậy, vệ sinh môi trường bệnh viện giúp loại bỏ đi các mầm bệnh, rác thải y tế là việc làm cực kỳ quan trọng, giúp đảm bảo an toàn cho NB, người nhà NB và NVYT trong quá trình chăm sóc và điều trị tại bệnh viện [2], [3].

Với vai trò là bệnh viện hạng I trực thuộc Bộ Y tế, Bệnh viện Mắt Trung ương là cơ sở khám chữa bệnh, điều trị đầu ngành Nhân khoa, là tuyến cuối tiếp nhận người bệnh trong cả nước; đồng thời là trung tâm đào tạo, nghiên cứu khoa học, chỉ đạo tuyến về nhân khoa và phòng chống mù lòa trên cả nước. Bệnh viện luôn tìm các giải pháp để nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, bảo đảm an toàn người bệnh, người nhà NB và NVYT, vì vậy công tác vệ sinh môi trường bệnh viện luôn được Ban lãnh đạo bệnh viện quan tâm và chỉ đạo thường xuyên.

Từ phân tích nêu trên, chúng tôi tiến hành thực hiện đề tài: **“Thực trạng và một số yếu tố liên quan đến kiến thức và thực hành vệ sinh môi trường của nhân viên y tế, Bệnh viện Mắt Trung ương, năm 2021”** với các mục tiêu nghiên cứu như sau:

1. Mô tả kiến thức, thực hành vệ sinh môi trường của nhân viên y tế, bệnh viện Mắt Trung ương, năm 2021.
2. Xác định một số yếu tố liên quan đến kiến thức, thực

hành vệ sinh môi trường của nhân viên y tế, Bệnh viện Mắt Trung ương, năm 2021.

2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng, địa điểm, thời gian nghiên cứu

Nhân viên y tế đang công tác tại BVMTW. Thời gian nghiên cứu, từ tháng 5-7/2021

2.2. Thiết kế nghiên cứu: Nghiên cứu mô tả cắt ngang có phân tích, nghiên cứu định lượng

2.3. Cỡ mẫu và cách chọn mẫu:

- *Áp dụng công thức tính cỡ mẫu:*

$$n = Z^2_{(1-\alpha/2)} \frac{p(1-p)}{d^2}$$

n: Cỡ mẫu tối thiểu cần thiết.

$Z^2_{1-\alpha/2}$: Hệ số tin cậy = 1,96 với $\alpha=0,05$.

p: Tỷ lệ ước lượng trong các nghiên cứu tương ứng đã công bố ($p = 0,7$) [4]

d: Là sai số mong muốn hoặc sai số cho phép ($d=0,05$).

- Cỡ mẫu thực tế nghiên cứu: 323

- *Cách chọn mẫu:*

+ *Bước 1:* Chọn mẫu theo kỹ thuật PPS cho từng khoa, phòng theo công thức

$$\frac{\text{Cỡ mẫu NC}}{\text{Tổng số NVYT}} \times \text{Tổng số NVYT của từng khoa/phòng}$$

+ *Bước 2:* Tại mỗi khoa/phòng, chọn mẫu theo phương pháp chọn ngẫu nhiên hệ thống, hệ số $k = 2$.

2.4. Phương pháp thu thập số liệu

- Kiến thức của NVYT về vệ sinh môi trường trong KSNK: Phát vấn, sử dụng bộ câu hỏi trắc nghiệm.

- Thực hành của NVYT về vệ sinh môi trường trong KSNK: Quan sát, sử dụng bảng kiểm.

2.5. Xử lý và phân tích số liệu

- Làm sạch, mã hoá và nhập bằng phần mềm Epi Data 3.1, sau đó xử lý thống kê bằng phần mềm SPSS 20.0.

- Phân tích mô tả (tỷ lệ phần trăm, trung bình, độ lệch chuẩn) được sử dụng để mô tả đặc điểm, kiến thức và thực hành vệ sinh môi trường trong KSNK của NVYT.

- Thống kê phân tích: Kiểm định χ^2 được sử dụng để xem xét mối liên quan giữa các biến.

2.6. Tiêu chí đánh giá kiến thức, thực hành vệ sinh môi trường trong KSNK

- Nhóm biến số kiến thức của NVYT về vệ sinh môi trường: Gồm 5 câu, tổng điểm là 5, số điểm đạt là 4.

- Nhóm biến số thực hành của NVYT về vệ sinh môi trường:

+ Đối tượng là Hộ lý/y công, Nhân viên vệ sinh: Gồm 10 câu, tổng điểm là 10, số điểm đạt là 7.

+ Đối tượng là Bác sĩ, Điều dưỡng/kỹ thuật viên, Nhân viên hành chính: Gồm 2 câu, tổng điểm là 2, số điểm đạt là 2.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Thông tin chung về NVYT

Bảng 3.1. Thông tin chung về NVYT (n=323)

Đặc điểm cá nhân		Tần số	Tỷ lệ (%)
Giới tính	Nam	91	28,2
	Nữ	232	71,8
Tuổi	Dưới 30 tuổi	26	8,0
	30 – 39 tuổi	141	43,7
	40 – 49 tuổi	125	38,7
	≥ 50 tuổi	31	9,6
Trình độ học vấn	Trung cấp	14	4,3
	Cao đẳng, Đại học	165	51,1
	Sau Đại học	80	24,8
	Khác (NVVS, Hộ lý, Y công...)	64	19,8
Trình độ chuyên môn	Bác sĩ	71	22,0
	Điều dưỡng viên	116	35,9
	Kỹ thuật viên	9	2,8
	Dược sĩ	18	5,6
	Hộ lý – Y công	30	9,3
	Hành chính	55	17,0
	Khác (NVVS, NV nhà ăn)	24	7,4
Vị trí công tác	Khoa lâm sàng	167	51,7
	Khoa cận lâm sàng	54	16,7
	Phòng chức năng	102	31,6

NVYT là nữ giới nhiều hơn với tỷ lệ 71,8%. Nhóm tuổi 30-39 chiếm tỷ lệ cao nhất 43,7%. NVYT có trình độ cao đẳng, đại học là 51,1%, sau đại học 24,8%. 22% NVYT là bác sĩ, 35,9% là điều dưỡng, còn lại là các đối tượng khác (kỹ thuật viên, dược sĩ, nhân viên hành

chính, hộ lý, ...). NVYT công tác tại khoa lâm sàng chiếm tỷ lệ cao nhất (51,7%), tiếp đến là tại các phòng chức năng (31,6%), thấp nhất là tại các khoa cận lâm sàng (16,7%).

3.2. Kiến thức về vệ sinh môi trường của NVYT

Bảng 3.2. Kiến thức về vệ sinh môi trường của NVYT (n=323)

Nội dung	Bác sĩ		ĐD/KTV		Khác		Chung	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Phân loại mã màu môi trường bề mặt theo mức độ nhiễm	54	76,1	97	77,6	98	77,2	249	77,1
Quy định hóa chất sử dụng làm sạch khu vực yêu cầu vô khuẩn cao	48	67,6	90	72	102	80,3	240	74,3
Nguyên tắc thực hiện vệ sinh môi trường bề mặt	51	71,8	98	78,4	101	79,5	250	77,4
Kỹ thuật vệ sinh bề mặt	43	60,6	80	64	97	76,4	220	68,1
Trường hợp không thực hiện vệ sinh tại phòng bệnh	62	87,3	111	88,8	100	78,7	273	84,5
Đạt kiến thức về vệ sinh môi trường	46	64,8	84	67,2	98	77,2	228	70,6

70,6% NVYT có kiến thức đạt về vệ sinh môi trường (77,2%), tiếp theo là đối tượng điều dưỡng, kỹ thuật viên trong kiểm soát nhiễm khuẩn. Trong đó, NVYT khối (67,2%), đối tượng bác sĩ có tỷ lệ đạt thấp nhất (64,8%).
hành chính và nhân viên khác có kiến thức tốt nhất

3.3. Thực hành vệ sinh môi trường của NVYT

Bảng 3.3. Thực hành vệ sinh môi trường của NVYT (n=323)

Thực hành vệ sinh môi trường	BS/ĐD/ KTV	NV Hành chính	Hộ lý/Y công	NV vệ sinh
Trần, tường, sàn nhà, hành lang, cầu thang, nhà VS sạch sẽ, không có rác, không trơn trượt, đọng nước	-	-	30 (100)	24 (100)
Cửa kính, cửa sổ, cửa ra vào phòng khám, buồng bệnh không bụi bẩn, vệ sinh thường xuyên	-	-	30 (100)	24 (100)
Vật dụng, thiết bị trong phòng sắp xếp gọn gàng ngăn nắp, được vệ sinh thường xuyên	-	-	27 (90,0)	23 (95,8)
Có đầy đủ các phương tiện làm vệ sinh môi trường	-	-	30 (100)	24 (100)
Vệ sinh các phương tiện, dụng cụ sau khi sử dụng	-	-	28 (93,3)	-
Lưu trữ phương tiện, dụng cụ vệ sinh đúng quy định	-	-	30 (100)	24 (100)
Tần suất vệ sinh ít nhất 2 lần/ngày và khi cần	-	-	30 (100)	24 (100)
Thực hiện đúng kỹ thuật vệ sinh bề mặt	-	-	29 (96,7)	24 (100)
Giữ vệ sinh môi trường khu vực làm việc	163 (83,2)	68 (93,2)	-	-
Sắp xếp gọn gàng đồ dùng theo 5S	156 (79,6)	59 (80,8)	-	-
Đánh giá chung	155 (79,1)	59 (80,8)	27 (90,0)	24 (100)

Kết quả quan sát cho thấy, hầu hết nhân viên vệ sinh đã thực hành tốt vệ sinh môi trường bệnh viện theo các tiêu chí với tỷ lệ ở nhóm Hộ lý/y công (90%), nhân viên vệ

sinh (100%). NVYT là bác sĩ/điều dưỡng/kỹ thuật viên và nhân viên khối hành chính thực hành vệ sinh môi trường kém hơn, với tỷ lệ lần lượt là 79,1% và 80,8%.

3.4. Một số yếu tố liên quan đến vệ sinh môi trường của NVYT

Bảng 3.4. Một số yếu tố liên quan đến kiến thức vệ sinh môi trường của NVYT (n=323)

Yếu tố liên quan		Kiến thức vệ sinh môi trường		OR (95%CI)	p
		Đạt	Không đạt		
Tuổi	Dưới 40 tuổi	102 (61,1)	65 (38,9)	1	1
	40 – 49 tuổi	97 (77,6)	28 (22,4)	2,2 (1,3 – 3,9)	0,002
	≥ 50 tuổi	17 (54,8)	14 (45,2)	0,7 (0,3 – 1,8)	0,5
Chuyên môn	Bác sĩ	51 (71,8)	20 (28,2)	1,82 (0,9 – 3,6)	0,06
	Điều dưỡng/KTV	91 (72,8)	34 (27,2)	1,91 (1,1 – 3,4)	0,01
	Khác	74 (58,3)	53 (41,7)	1	1
Vị trí công tác	Khoa lâm sàng	126 (75,4)	41 (24,6)	2,5 (1,4 – 4,4)	<0,01
	Khoa cận lâm sàng	34 (63,3)	20 (37,0)	1,39 (0,7 – 2,9)	0,3
	Phòng chức năng	56 (54,9)	46 (45,1)	1	1
Thời gian công tác	≤ 10 năm	79 (64,2)	44 (35,8)	1,45 (0,7 – 2,9)	0,25
	11 – 20 năm	106 (73,6)	38 (26,4)	2,24 (1,1 – 4,5)	0,01
	Trên 20 năm	31 (55,4)	25 (44,6)	1	1

Có 4 yếu tố liên quan đến kiến thức vệ sinh môi trường của NVYT bao gồm: Tuổi, trình độ chuyên môn, vị trí công tác và thời gian công tác ($p < 0,05$). Chưa tìm thấy mối liên quan giữa giới tính và trình độ học vấn của NVYT với kiến thức vệ sinh môi trường trong KSNK.

3.5. Một số yếu tố liên quan đến thực hành vệ sinh môi trường của NVYT

Bảng 3.5. Một số yếu tố liên quan đến thực hành vệ sinh môi trường của NVYT (n=323)

Yếu tố liên quan		Thực hành vệ sinh môi trường		OR (95%CI)	p
		Đạt	Không đạt		
Giới tính	Nữ	196 (84,5)	36 (15,5)	2,06 (1,1 – 3,8)	0,01
	Nam	66 (72,5)	25 (27,5)		
Vị trí công tác	Phòng chức năng (TC)	76 (74,5)	26 (25,5)	1	1
	Khoa lâm sàng	142 (85,0)	25 (15,0)	1,94 (1,1 – 3,8)	0,03
	Khoa cận lâm sàng	44 (81,5)	10 (18,5)	1,5 (0,6 – 3,8)	0,3
Thời điểm tập huấn về KSNK	Sau 2018	207 (84,1)	39 (15,9)	2,12 (1,1 – 4,0)	0,01
	Trước 2018	55 (71,4)	22 (28,6)		

Có 3 yếu tố liên quan đến thực hành vệ sinh môi trường của NVYT bao gồm: Giới tính, vị trí công tác và thời điểm tập huấn về kiểm soát nhiễm khuẩn ($p < 0,05$). Chưa tìm thấy mối liên quan giữa tuổi, trình độ chuyên môn, thời gian công tác của NVYT với thực hành vệ sinh môi trường trong KSNK.

4. BÀN LUẬN

Vệ sinh môi trường bệnh viện bao gồm: (1) Vệ sinh môi trường bề mặt buồng bệnh, trang thiết bị,...; (2) Vệ sinh môi trường nước; (3) Vệ sinh môi trường không khí. Thực hiện tốt vệ sinh môi trường bệnh viện nhằm mục đích: (1) Làm sạch môi trường trong bệnh viện; (2) Giảm nguy cơ lây nhiễm cho người bệnh, nhân viên y tế và cộng đồng; (3) Đảm bảo an toàn trong chăm sóc và điều trị người bệnh [3]. Trong nghiên cứu này, tác giả mới chỉ đề cập chủ yếu tới nhóm vệ sinh môi trường bề mặt của đối tượng là NVYT của bệnh viện, trong khi đó, việc thực hành vệ sinh môi trường bệnh viện không chỉ là trách nhiệm của riêng đội ngũ NVYT mà còn là trách nhiệm của người bệnh, người nhà người bệnh, do đó nghiên cứu

cần được mở rộng phạm vi và đối tượng để đưa ra bức tranh tổng thể về thực trạng vệ sinh môi trường tại Bệnh viện.

Kết quả nghiên cứu cho thấy, tỷ lệ thực hành vệ sinh môi trường nhóm hộ lý/y công và nhân viên vệ sinh rất cao (trên 90%), điều này cũng phù hợp với thực tế nhiệm vụ của đối tượng nghiên cứu và tương đồng với kết quả một số nghiên cứu đã công bố [4], [5]. Ngoài ra, do quan sát viên là nhân viên bệnh viện, hơn nữa chúng tôi sử dụng phương pháp quan sát không tham gia khi đánh giá tỷ lệ thực hành vệ sinh môi trường nên đối tượng nghiên cứu có thể phát hiện ra mình đang bị quan sát, do đó có thể họ sẽ có ý thức thực hành tốt hơn, và thực hiện đúng quy định hơn tại thời điểm bị quan sát (tác động Hawthorne).

Vị trí công tác là yếu tố liên quan đến kiến thức và thực hành vệ sinh môi trường của NVYT, vì vậy bệnh viện cần có kế hoạch đào tạo, tập huấn về vệ sinh môi trường phù hợp cho từng nhóm đối tượng, đảm bảo tất cả các NVYT trong bệnh viện đều có kiến thức và thực hành tốt vệ sinh môi trường, đây cũng là tiêu chí trong Bộ tiêu chí kiểm tra, đánh giá chất lượng bệnh viện hàng năm của Bộ Y tế.

5. KẾT LUẬN

Kiến thức và thực hành vệ sinh môi trường của NVYT tại Bệnh viện Mắt Trung ương khá tốt. Tỷ lệ NVYT có kiến thức đạt (70,6%), tỷ lệ NVYT thực hành vệ sinh môi trường đúng quy định (trên 75%).

Có 4 yếu tố liên quan đến kiến thức vệ sinh môi trường của NVYT bao gồm: Tuổi, trình độ chuyên môn, vị trí công tác và thời gian công tác. 3 yếu tố liên quan đến thực hành vệ sinh môi trường của NVYT bao gồm: Giới tính, vị trí công tác và thời điểm tập huấn về kiểm soát nhiễm khuẩn ($p < 0,05$).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Lê Hảo, Nâng cao năng lực về kiểm soát nhiễm khuẩn, Nguồn <https://kcb.vn/> 27/4/2016, 2016.
- [2] Bộ Y tế, Tài liệu đào tạo về kiểm soát nhiễm khuẩn, 2012.
- [3] Thông tư số 16/2018/TT-BYT, ngày 20/7/2018 của Bộ Y tế quy định về kiểm soát nhiễm khuẩn trong các cơ sở y tế.
- [4] Nguyễn Thị Mai Hương và cộng sự, “Đánh giá thực trạng thực hành về kiểm soát nhiễm khuẩn của học viên học tại Bệnh viện Trung ương Quân đội 108”. Tạp chí Y dược lâm sàng 108, 11, 2016.
- [5] Võ Văn Tân, “Thực hành phòng ngừa chuẩn của điều dưỡng và các yếu tố liên quan đến kiểm soát nhiễm trùng bệnh viện”, Tạp chí Y Học TP. Hồ Chí Minh, Tập 15 (Phụ bản của Số 4), 214- 220, 2011.
- [6] Quyết định số 6858/QĐ-BYT, ngày 18/11/2016 của Bộ Y tế về việc ban hành Bộ tiêu chí đánh giá chất lượng bệnh viện Việt nam, phiên bản 2.0.